

**INTEGRATING DIGITAL
TECHNOLOGY INTO LITERATURE
TEACHING TO FOSTER CRITICAL
AND CREATIVE THINKING IN HIGH
SCHOOL STUDENTS**

Nguyen Thi Dung* and Nguyen Thi Hien
*Faculty of Primary and Early Childhood
Education, Hai Phong University,
Hai Phong city, Vietnam*

*Corresponding author Nguyen Thi Dung,
e-mail: dungphuoc1976@gmail.com

Received June 27, 2025.
Revised September 4, 2025.
Accepted December 26, 2025.

Abstract. The 2018 General Education Curriculum emphasizes a shift from knowledge transmission to the development of learners' qualities and competencies. Among these, critical and creative thinking are central, particularly in Literature education. This article investigates the integration of digital technology in literature teaching to foster critical and creative thinking for high school students. Digital tools, particularly artificial intelligence and online learning tools, can create flexible learning environments that support students' active engagement with texts and encourage critical analysis and creative interpretation. However, the effective integration of technology requires pedagogical approaches that thoughtfully combine digital tools with established instructional practices. This study highlights the pedagogical value of such integration in enhancing teaching effectiveness and supporting the development of students' critical and creative capacities in contemporary educational contexts.

Keywords: Integration, digital technology, teaching literature, critical thinking, creative thinking.

**TÍCH HỢP CÔNG NGHỆ SỐ
TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN NHẪM
PHÁT TRIỂN TƯ DUY PHẢN BIỆN
VÀ SÁNG TẠO CHO HỌC SINH TRUNG
HỌC PHỔ THÔNG**

Nguyễn Thị Dung* và Nguyễn Thị Hiên
*Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non,
Trường Đại học Hải Phòng,
thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Dung,
e-mail: dungphuoc1976@gmail.com

Ngày nhận bài: 27/6/2025.
Ngày sửa bài: 4/9/2025.
Ngày nhận đăng: 26/12/2025.

Tóm tắt. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 xác định rõ yêu cầu chuyển từ dạy học truyền thụ tri thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học. Trong đó, tư duy phản biện và sáng tạo là những năng lực thiết yếu, cần được bồi dưỡng qua môn Ngữ văn. Bài viết nghiên cứu việc tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn nhằm phát triển tư duy phản biện và sáng tạo cho học sinh trung học phổ thông. Công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo và các công cụ học tập trực tuyến, cung cấp môi trường học tập linh hoạt, giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách chủ động và sâu sắc hơn, từ đó phát triển kỹ năng phản biện và sự sáng tạo trong việc giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, để ứng dụng công nghệ hiệu quả, giáo viên cần có phương pháp giảng dạy phù hợp, kết hợp giữa công nghệ và các phương pháp truyền thống, nhằm nâng cao chất lượng dạy học và phát huy tối đa năng lực của học sinh, giúp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù và chuẩn bị cho các em những kỹ năng cần thiết để đối mặt với các thách thức trong tương lai.

Từ khóa: Tích hợp, công nghệ số, dạy học Ngữ văn, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo.

1. Mở đầu

Chương trình GDPT 2018 nhấn mạnh định hướng chuyển từ tiếp cận nội dung sang phát triển năng lực, lấy người học làm trung tâm, hướng tới việc phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực, đặc biệt tư duy phản biện và sáng tạo được xác định là yêu cầu xuyên suốt [1]. Đây là hai năng lực cốt lõi của công dân trong thế kỷ 21, góp phần hình thành năng lực tự học suốt đời, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Với đặc trưng là môn học nhân văn, tích hợp, Ngữ văn có vai trò đặc biệt trong việc hình thành thế giới quan, tư duy ngôn ngữ, cảm thụ thẩm mỹ và năng lực biểu đạt của học sinh (HS). Tuy nhiên, thực tiễn dạy học Ngữ văn ở THPT hiện nay vẫn phản ánh mô hình dạy học truyền thống chú trọng ghi nhớ nội dung văn bản, thiếu không gian cho phản biện, đối thoại và sáng tạo cá nhân. Tình trạng này dẫn tới HS ít được phát triển tư duy đa chiều và khả năng sáng tạo ngôn ngữ trong môi trường học tập đậm tính trải nghiệm và cá nhân hóa. Trong khi đó, sự phát triển mạnh mẽ của nền tảng số, phần mềm trí tuệ nhân tạo và công cụ sáng tạo nội dung đã mở ra những cơ hội mới trong đổi mới phương pháp dạy học. Nếu được tích hợp hợp lý, công nghệ số không chỉ là phương tiện hỗ trợ mà còn trở thành môi trường kích hoạt tư duy phản biện, khơi dậy tiềm năng sáng tạo và gia tăng sự tham gia tích cực của người học trong quá trình kiến tạo tri thức.

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu gần đây cũng đã đề cập đến việc phát triển năng lực tư duy phản biện và sáng tạo thông qua môn Ngữ văn. Tác giả Lê Duy Nhã (2021) xây dựng cơ sở lý luận để tích hợp giáo dục tư duy phản biện vào dạy học đọc hiểu văn bản [2]; Cao Kiều Khanh (2020) đưa ra biện pháp phát triển năng lực tư duy phản biện trong tạo lập văn bản nghị luận xã hội cho HS lớp 10 qua tìm ý, lập ý [5]. Nguyễn Thị Thanh Nga (2022) đề xuất việc ứng dụng công nghệ số như bản đồ tư duy số, phần mềm trình chiếu, nền tảng học tập trực tuyến trong dạy học môn Ngữ văn để phát triển năng lực số cho HS [5]. Tuy nhiên, đa số các công trình mới chỉ dừng lại ở phân tích vai trò hoặc giới thiệu công cụ đơn lẻ, thiếu mô hình tích hợp cụ thể giữa phương pháp dạy học, công nghệ số và phát triển tư duy cho HS. Từ đó, có thể thấy nhu cầu cấp thiết về nghiên cứu mang tính hệ thống, vừa xây dựng cơ sở lý luận vững chắc, vừa đề xuất được mô hình tích hợp khả thi, đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học Ngữ văn trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay là vô cùng cần thiết.

Bài viết đề xuất hướng tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn tại trường THPT nhằm phát triển hiệu quả tư duy phản biện và sáng tạo cho HS. Trên cơ sở phân tích các nguyên lý dạy học hiện đại và tiềm năng của công nghệ số, nghiên cứu hướng đến lựa chọn công cụ và xây dựng hoạt động học tập phù hợp với đặc trưng của môn Ngữ văn và yêu cầu phát triển năng lực người học theo chương trình GDPT 2018.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tích hợp công nghệ số với việc phát triển tư duy phản biện và sáng tạo trong dạy học Ngữ văn

Công nghệ số trong giáo dục là các thiết bị và phần mềm hỗ trợ giảng dạy như nền tảng học tập trực tuyến, công cụ tạo sản phẩm số, trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), mạng xã hội học thuật... Nguyễn Thế Dũng (2019) nhận định: “Quá trình ứng dụng công nghệ vào giáo dục trên thế giới được chia là ba giai đoạn, cụ thể là: giai đoạn giới thiệu công nghệ vào lớp học (Introduction); giai đoạn tích hợp công nghệ vào lớp học (Integration); giai đoạn vô hình hóa công nghệ trong lớp học (Invisibilisation). Bước vào thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, có thể nói giáo dục Việt Nam đã đi vào thời kỳ cuối của giai đoạn giới thiệu công nghệ vào lớp học và đi vào giai đoạn tích hợp công nghệ vào lớp học” [6]. Sự tích hợp trí tuệ nhân tạo và công nghệ

mới vào môi trường học tập thông minh phản ánh sự tiến bộ trong giáo dục và vai trò quan trọng của công nghệ trong việc hỗ trợ học tập [2].

Trong khi đó, việc phát triển tư duy phản biện và sáng tạo thông qua dạy học ngôn ngữ đã được quan tâm trong nhiều nghiên cứu. Tư duy phản biện là khả năng phân tích, đánh giá, lập luận một cách logic, có căn cứ nhằm đưa ra kết luận hợp lý và có trách nhiệm. Tư duy sáng tạo là một loại hình tư duy mang lại hiểu biết mới, cách tiếp cận mới, mở ra triển vọng mới, các cách quan niệm hoàn toàn mới [10]. Theo Nguyễn Thị Hương Lan (2020), khả năng tư duy sáng tạo của HS cấp THPT được thể hiện tập trung ở năng lực phát hiện những ý tưởng mới, thể hiện góc nhìn riêng về một vấn đề nào đó và năng lực đề xuất những giải pháp mới, cách lí giải riêng về vấn đề trên cơ sở của những liên tưởng, tưởng tượng phong phú [11]. Tư duy phản biện và tư duy sáng tạo bổ trợ chặt chẽ cho nhau trong quá trình nhận thức và giải quyết vấn đề. Cao Kiều Khanh (2020) nhận định tư duy phản biện chính là nền tảng của tư duy sáng tạo [4]. Trong môn Ngữ văn, tư duy phản biện giúp HS đọc hiểu văn bản một cách sâu sắc, phát hiện các lớp nghĩa đa chiều, phát hiện mâu thuẫn, nhận diện dụng ý nghệ thuật, đánh giá lập luận của tác giả hoặc người kể chuyện, từ đó hình thành chính kiến. HS có khả năng phản biện tốt sẽ không dễ bị dẫn dắt bởi các lối hiểu thông thường, sẵn có, không rập khuôn trong cách tiếp cận tác phẩm văn học, biết đặt câu hỏi ngược chiều, khám phá các khả năng diễn giải khác nhau thì mới có những góc nhìn mới mẻ, độc đáo, viết nên những bài văn giàu sức tưởng tượng và tính phát hiện – biểu hiện của tư duy sáng tạo

Tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn không chỉ là một giải pháp đổi mới phương pháp dạy học mà còn là điều kiện thiết yếu để kích thích và phát triển tư duy phản biện và sáng tạo. Công nghệ số mở ra khả năng tiếp cận nguồn tài liệu đa dạng, phong phú đa quan điểm, vượt ra ngoài khuôn khổ sách giáo khoa hay những ý kiến giới hạn trong “cộng đồng lí giải” truyền thống gồm GV và HS. Thông qua các văn bản số hóa, nguồn tư liệu đa phương thức như kịch bản sân khấu, phim chuyên thể, phỏng vấn tác giả, bài phê bình văn học, hay ý kiến từ cộng đồng bạn đọc toàn cầu, HS có cơ hội tiếp xúc với những góc nhìn đa chiều, hình thành thói quen phân tích, so sánh và kiểm chứng thông tin trước khi đưa ra kết luận. Các nền tảng công nghệ số kiến tạo không gian học tập mở, nơi HS có thể đối thoại, tranh biện, phản biện quan điểm một cách dân chủ và khoa học, qua đó nâng cao năng lực tư duy phản biện. Bên cạnh đó, việc khai thác công cụ số để thiết kế các sản phẩm học tập đa phương tiện – từ video sáng tác văn học đến các dự án số hóa tác phẩm – không chỉ kích thích trí tưởng tượng, mà còn rèn luyện kĩ năng sáng tạo nội dung trong bối cảnh văn hóa số. Đặc biệt, quá trình này còn góp phần thúc đẩy năng lực số và hỗ trợ định hướng nghề nghiệp, giúp HS khám phá hứng thú, khả năng cá nhân và tiếp cận thông tin về các ngành nghề phù hợp, qua đó đáp ứng yêu cầu giáo dục định hướng nghề nghiệp ở bậc THPT.

2.2. Thực trạng tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn ở Trung học Phổ thông

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, nhằm đánh giá toàn diện thực trạng và đề xuất giải pháp tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn ở THPT, hướng tới phát triển tư duy phản biện và sáng tạo cho HS.

Phương pháp chọn mẫu: Mẫu khảo sát được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu xác suất phân tầng ngẫu nhiên, đảm bảo tính đại diện theo các tiêu chí: giới tính, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác và khu vực địa bàn công tác. Tổng số mẫu khảo sát gồm 50 GV Ngữ văn tại 16 trường THPT thuộc các khu vực thành thị, nông thôn và hải đảo của TP Hải Phòng.

Phương pháp thu thập dữ liệu: Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua khảo sát 16 câu hỏi. Phiếu khảo sát tập trung vào ba nội dung chính: (1) Thực trạng điều kiện triển khai công nghệ số; (2) Mức độ tích hợp công nghệ số vào phát triển tư duy phản biện và sáng tạo; (3)

Nhận thức, đánh giá của GV về hiệu quả ứng dụng công nghệ số. Các câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ.

Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu: Phần mềm IBM SPSS Statistics được sử dụng để xử lý số liệu. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) được vận dụng nhằm xác định các nhóm yếu tố phản ánh thực trạng tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn. Độ tin cậy của công cụ khảo sát được kiểm định bằng hệ số *Cronbach's Alpha*.

2.2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát bằng phiếu hỏi. Nghiên cứu được thực hiện với sự tham gia của 50 GV tại 16 trường THPT trên địa bàn thành phố Hải Phòng, phân bố ở các khu vực thành thị, nông thôn và hải đảo. Các trường được lựa chọn có sự khác biệt rõ rệt về điều kiện dạy học như: quy mô trường học (trường trung tâm – trường vùng xa), sĩ số lớp học, mức độ đầu tư cơ sở vật chất, điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, cũng như đặc điểm đầu vào và trình độ học sinh. Việc lựa chọn mẫu theo hướng này giúp phản ánh tương đối đầy đủ các bối cảnh dạy học khác nhau trong thực tiễn, từ đó góp phần nâng cao tính khái quát và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

Phiếu khảo sát được thiết kế dựa trên định hướng của Chương trình GDPT 2018, trong đó nhấn mạnh vai trò của tích hợp công nghệ số như một thành tố quan trọng trong quá trình hình thành, phát triển tư duy phản biện và sáng tạo cho HS THPT. Hệ thống khảo sát gồm 16 câu hỏi, được chia thành ba nhóm nội dung chính: (1) Thực trạng điều kiện triển khai công nghệ số (4 câu); (2) Mức độ tích hợp công nghệ số vào phát triển tư duy phản biện và sáng tạo (7 câu); (3) Nhận thức, đánh giá của GV về hiệu quả ứng dụng công nghệ số (5 câu). Để dễ dàng hơn trong việc phân tích dữ liệu, chúng tôi thực hiện mã hoá câu hỏi trong hệ thống khảo sát bằng bảng dưới đây.

STT	Bảng khảo sát	Mã hoá
I. Thực trạng điều kiện triển khai công nghệ số		
01	Cơ sở vật chất tại trường đáp ứng đủ điều kiện để triển khai các hoạt động dạy học có tích hợp công nghệ số.	B1
02	Hệ thống thiết bị công nghệ tại trường (phòng máy, internet, máy chiếu, phần mềm...) hoạt động ổn định và hỗ trợ tốt cho việc dạy học.	B2
03	GV có khả năng tự thiết kế và vận hành các hoạt động học tập có ứng dụng công nghệ số.	B3
04	GV được nhà trường tạo điều kiện tham gia tập huấn về sử dụng công nghệ số trong dạy học Ngữ văn.	B4
II. Mức độ tích hợp công nghệ số vào phát triển tư duy phản biện và sáng tạo		
05	GV thường xuyên sử dụng các công cụ công nghệ số (ví dụ: Canva, Padlet, Google Forms, AI...) trong các hoạt động dạy học Ngữ văn.	C1
06	GV xây dựng hoạt động học tập nhằm khuyến khích HS đưa ra quan điểm cá nhân và lập luận phản biện dựa trên tư liệu số.	C2
07	GV tổ chức các dự án học tập/hoạt động nhóm cho phép HS sáng tạo sản phẩm số như video, infographic, podcast...	C3
08	Việc tích hợp công nghệ số giúp đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu phát triển tư duy HS.	C4
09	GV thiết kế nhiệm vụ học tập có ứng dụng công nghệ nhằm khơi gợi ý tưởng mới và giải pháp sáng tạo từ HS.	C5
10	GV thường xuyên yêu cầu HS phản biện lẫn nhau thông qua các nền tảng công nghệ (bảng tương tác số, diễn đàn, nhận xét video...).	C6

11	GV sử dụng công nghệ số để điều chỉnh, cập nhật kế hoạch dạy học dựa trên mức độ phát triển tư duy phản biện và sáng tạo của HS.	C7
III. Nhận thức, đánh giá của GV về hiệu quả tích hợp công nghệ số		
12	Tích hợp công nghệ số giúp HS phát triển rõ rệt năng lực tư duy phản biện và sáng tạo trong môn Ngữ văn.	D1
13	Tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn giúp HS đặt ra các câu hỏi chất lượng và có chiều sâu hơn.	D2
14	HS tự tin hơn khi đưa ra quan điểm cá nhân nhờ việc sử dụng các công cụ số trong học tập.	D3
15	Tích hợp công nghệ số giúp HS trình bày sản phẩm sáng tạo với bố cục rõ ràng, thẩm mỹ và có tính cá nhân hóa.	D4
16	GV sẵn sàng tiếp tục đầu tư thời gian và công sức để nâng cao năng lực tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn.	D5

Cách tiếp cận này cho phép đánh giá mức độ triển khai thực tế việc tích hợp công nghệ số trong thực tế giảng dạy nhằm phát triển tư duy phản biện và sáng tạo mà còn làm rõ mối liên hệ giữa định hướng lý luận của chương trình với nhận thức và hành vi sư phạm của GV. Đồng thời, việc kết hợp nhiều nguồn dữ liệu (phân tích tài liệu và khảo sát) tạo ra một bức tranh toàn diện và đa chiều, nâng cao độ tin cậy và tính giá trị của kết quả nghiên cứu (Creswell, 2018).

2.2.3. Kết quả phân tích dữ liệu

Kết quả kiểm định độ tin cậy của bảng khảo sát cho thấy bảng khảo sát đạt độ tin cậy cao với α tổng thể = 0,884. Cụ thể, nhóm 1 đạt $\alpha = 0,741$; nhóm 2 đạt $\alpha = 0,770$; nhóm 3 đạt $\alpha = 0,652$. Mặc dù hệ số α của nhóm 3 thấp hơn 0,7, nhưng với số biến quan sát dưới 6 trong các nghiên cứu khoa học xã hội, mức $\alpha \geq 0,6$ vẫn được chấp nhận theo khuyến nghị của Hair và cộng sự. Do đó, bảng khảo sát đảm bảo độ tin cậy cần thiết cho phân tích dữ liệu.

Kết quả khảo sát cho thấy đa số GV tham gia nghiên cứu có nhận thức tích cực về vai trò của việc tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn THPT. Tuy nhiên, khi xem xét theo điều kiện dạy học và khu vực công tác, có thể nhận thấy sự khác biệt nhất định giữa các nhóm GV tại các khu vực khác nhau. Bên cạnh đó, mức độ thành thạo công nghệ và cơ hội được bồi dưỡng về chuyển đổi số cũng ảnh hưởng đáng kể đến khả năng đổi mới phương pháp của GV.

Thực tiễn này cho thấy, vấn đề đặt ra không chỉ là nâng cao nhận thức về vai trò của công nghệ số, mà quan trọng hơn là việc tổ chức và vận dụng công nghệ số một cách có hệ thống, phù hợp với những điều kiện dạy học khác nhau. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tập trung đề xuất các nguyên tắc và ví dụ tích hợp công nghệ số trong dạy học các bài đọc Ngữ văn THPT nhằm phát triển tư duy phản biện và sáng tạo cho HS, đồng thời bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn giảng dạy.

2.3. Đề xuất nguyên tắc và biện pháp tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn nhằm phát triển tư duy phản biện và sáng tạo cho học sinh trung học phổ thông

2.3.1. Nguyên tắc tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn

Nguyên tắc đảm bảo yêu cầu cần đạt và đặc trưng của môn học Ngữ văn

Trong dạy học Ngữ văn, công nghệ số không chỉ tạo điều kiện để HS tiếp cận, khám phá và phân tích văn bản một cách chủ động mà còn góp phần thúc đẩy việc hình thành và phát triển tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, năng lực cảm thụ thẩm mỹ cũng như năng lực vận dụng tiếng Việt trong giao tiếp [1], [12]. Thông qua các công cụ và môi trường học tập số, HS có cơ hội tương tác đa chiều với văn bản, bày tỏ quan điểm cá nhân, so sánh – đánh giá các cách hiểu khác nhau, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động đọc hiểu và cảm thụ văn học.

Tuy nhiên, việc tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn không phải là mục tiêu tự thân mà cần được đặt trong yêu cầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu cần đạt của chương trình môn

học. Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, công nghệ số cần được sử dụng như một công cụ hỗ trợ nhằm giúp HS đạt được các yêu cầu về kiến thức, năng lực và phẩm chất, đặc biệt là các năng lực cốt lõi của môn Ngữ văn như năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, năng lực giao tiếp và năng lực thẩm mỹ [1]. Do đó, việc ứng dụng công nghệ số trong dạy học Ngữ văn cần được triển khai một cách có định hướng sư phạm rõ ràng, gắn chặt với mục tiêu phát triển năng lực, tránh tình trạng sử dụng công nghệ mang tính hình thức hoặc làm loãng đặc trưng môn học.

Đồng thời, việc vận dụng công nghệ số phải phù hợp với đặc trưng của môn Ngữ văn: coi trọng trải nghiệm thẩm mỹ, khơi gợi cảm xúc và sự đồng cảm của HS trước cái đẹp trong văn chương và cuộc sống; đảm bảo tính nhân văn, tính biểu cảm và sáng tạo ngôn ngữ; kết hợp hài hòa giữa lí trí và tình cảm. Công nghệ chỉ đóng vai trò phương tiện, còn trọng tâm vẫn là hình thành năng lực đọc hiểu, cảm thụ, bộc lộ suy nghĩ, tình cảm bằng ngôn ngữ nói và viết, qua đó góp phần nuôi dưỡng tâm hồn, nhân cách và thị hiếu thẩm mỹ của HS.

Nguyên tắc tương tác và học tập hợp tác

Công nghệ số tạo ra môi trường học tập tương tác và hợp tác, HS không chỉ học một mình mà còn giao lưu, thảo luận và học hỏi từ các bạn. Các nền tảng học tập trực tuyến như Google Classroom, Padlet,... giúp HS tham gia vào các hoạt động nhóm, chia sẻ ý tưởng và phản biện lẫn nhau. Việc học tập tương tác và hợp tác cũng là yếu tố quan trọng trong việc phát triển tư duy phản biện. Khi HS tham gia vào các cuộc thảo luận là các em học cách lắng nghe quan điểm của người khác, phân tích và bảo vệ ý kiến của mình, từ đó phát triển các kĩ năng phản biện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

Nguyên tắc dạy học lấy HS làm trung tâm, kiến tạo tri thức

Dạy học lấy HS làm trung tâm, khuyến khích HS không chỉ tiếp nhận kiến thức mà còn tham gia vào quá trình kiến tạo tri thức thông qua các hoạt động học tập chủ động. Việc áp dụng công nghệ số trong dạy học Ngữ văn giúp HS có cơ hội tiếp cận nguồn tài liệu phong phú, tương tác với bạn bè, thầy cô và chủ động tạo ra sản phẩm học tập của riêng mình. Theo Trần Đình Sử (2020), “Việc chuyển từ phương pháp dạy học thụ động sang phương pháp lấy HS làm trung tâm giúp HS trở thành người xây dựng và phát triển tri thức, thay vì chỉ là người tiếp thu thụ động” [12]. Công nghệ số giúp HS tham gia vào các hoạt động học tập sáng tạo như viết blog, thảo luận trực tuyến hoặc tạo video phân tích văn bản, phát huy tối đa khả năng sáng tạo và tư duy phản biện của HS.

Nguyên tắc mở rộng môi trường học tập, tăng cường hoạt động phản biện và sáng tạo

Công nghệ số không chỉ là công cụ hỗ trợ giảng dạy mà còn là phương tiện mở rộng môi trường học tập, giúp HS tiếp cận với thế giới bên ngoài lớp học. Các công cụ - nền tảng học tập trực tuyến, các ứng dụng chia sẻ tài liệu, video và bài giảng trực tuyến giúp HS học mọi lúc, mọi nơi, tạo ra môi trường học tập linh hoạt, phù hợp với nhu cầu và sở thích của từng HS. Điều này góp phần tăng cường hoạt động phản biện và sáng tạo của HS, đồng thời giảm thiểu việc tái hiện kiến thức theo kiểu thụ động. HS không chỉ học để ghi nhớ mà còn được khuyến khích phát triển khả năng suy luận, phân tích và đánh giá. Việc áp dụng công nghệ số trong dạy học Ngữ văn giúp HS vượt ra khỏi khuôn khổ học thuật truyền thống, chủ động tham gia vào quá trình khám phá và sáng tạo tri thức.

2.3.2. Biện pháp tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn cho học sinh trung học phổ thông

2.3.2.1. Vận dụng mô hình học tập kết hợp để phát triển tư duy phản biện và sáng tạo

Mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) được hiểu là sự kết hợp có chủ đích giữa dạy học trực tiếp (face-to-face) – trong đó GV và HS gặp gỡ, tương tác trực tiếp tại lớp học truyền thống để giảng giải, thảo luận, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc – với dạy học trực tuyến (online), nơi HS học tập thông qua các nền tảng số như website, phần mềm, ứng dụng học tập, cùng các tài nguyên số (video bài giảng, bài tập trực tuyến, diễn đàn trao đổi...) trong cùng một quá trình dạy

học thống nhất [1]. Việc kết hợp hai hình thức này nhằm tận dụng ưu điểm của cả dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến, từ đó nâng cao hiệu quả và chất lượng học tập của HS [9].

Một đặc điểm nổi bật của mô hình học tập kết hợp là tạo điều kiện cho HS chủ động về thời gian, không gian và tốc độ học tập trong phần học trực tuyến. HS không chỉ tiếp cận kiến thức lí thuyết mà còn được tham gia các hoạt động tương tác, trao đổi và phản biện thông qua các công cụ số, qua đó góp phần phát triển tư duy phản biện và năng lực tự học [7]. Việc HS tự học thông qua các tài liệu và học liệu trực tuyến trước giờ học trực tiếp giúp các em có sự chuẩn bị kiến thức ban đầu, từ đó thời gian trên lớp được tập trung nhiều hơn cho các hoạt động thảo luận, phân tích, phản biện và khám phá sâu nội dung học tập. Cách tổ chức này phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực người học, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục hiện nay.

Khi dạy bài “*Một đời như kẻ tìm đường*” của Phan Văn Trường [14; 107], GV cho HS xem video hoặc thực hiện các nhiệm vụ học tập trực tuyến về văn bản trước khi đến lớp. GV yêu cầu HS làm một video tranh luận nhóm để phân tích ý nghĩa của nhan đề tác phẩm, với câu hỏi: “Nhan đề của bài viết là “*Một đời như kẻ tìm đường*”. Nhưng trong bài viết, tác giả lại nói “*Cả cuộc đời tìm đường để rồi mãi tới lúc xế chiều tôi mới khám phá ra chẳng có đường để tìm.*” Liệu tác giả có tự mâu thuẫn với chính mình hay không? Phải chăng việc tìm đường là một việc không có nhiều ý nghĩa?” Để thực hiện yêu cầu, HS phải trao đổi trực tuyến với GV và bạn học thông qua Zoom, Google Classroom để hiểu rõ nội dung văn bản. GV sử dụng công cụ AI như ChatGPT hỗ trợ HS trong việc tìm kiếm luận cứ thuyết phục hoặc những ví dụ bổ sung. Không tiếp nhận thụ động ý kiến từ AI, HS phải đặt mình vào vai trò người đọc có chính kiến, biết lựa chọn, đánh giá, phản biện các lập luận được đề xuất. Hành động “phân tích – chọn lọc – đồng tình hoặc bác bỏ” là chuỗi thao tác tư duy phản biện mang tính điển hình, HS được rèn luyện khả năng lập luận logic, thấu đáo và có cơ sở. Vận dụng tư duy sáng tạo, HS có thể sử dụng Canva Video, CapCut để thiết kế và hoàn thiện video tranh luận của nhóm mình. Kết thúc hoạt động, HS hiểu chỉ khi đã trải qua thăng trầm của cuộc đời, tích lũy được những trải nghiệm cuộc sống, con người mới nhận thấy. Đường là do chính bản thân mình tạo ra, sẽ không có một con đường đúng đắn nào được định sẵn để chúng ta lựa chọn, bất kì con đường nào cũng dẫn tới thành công và hạnh phúc bởi nó nằm ở những giá trị mà chúng ta gieo ngay trên hành trình đi qua.

2.3.2.2. Vận dụng sơ đồ tư duy phát triển tư duy phản biện và sáng tạo trong dạy học Ngữ văn

Vận dụng sơ đồ tư duy trong dạy học Ngữ văn chỉ thực sự đạt hiệu quả khi GV sử dụng đúng mục đích, quy trình và kĩ thuật, coi đây không đơn thuần là một công cụ trực quan hỗ trợ ghi nhớ mà là phương tiện tổ chức hoạt động học tập nhằm phát triển tư duy phản biện và tư duy sáng tạo cho HS [3]. Trong dạy học Ngữ văn, sơ đồ tư duy có vai trò hỗ trợ HS tóm tắt văn bản, hệ thống hóa kiến thức như nhân vật, sự kiện, bố cục, chủ đề, đồng thời tạo điều kiện để các em phân tích, so sánh, đối chiếu và đặt ra các câu hỏi mang tính phản biện đối với nội dung và hình thức nghệ thuật của văn bản [13].

Khi HS tham gia xây dựng sơ đồ tư duy, việc nhận diện và kết nối các yếu tố như chủ đề, hình tượng, biện pháp nghệ thuật, biểu tượng... đòi hỏi các em không chỉ tái hiện thông tin mà còn phải lí giải, đánh giá và hình thành quan điểm cá nhân. Quá trình này góp phần chuyển hoạt động học từ mức độ tiếp nhận thụ động sang tư duy bậc cao, trong đó HS chủ động đặt câu hỏi, phản biện và mở rộng cách hiểu văn bản [8], [7]. Chính việc “hỏi ngược lại văn bản” thông qua sơ đồ tư duy đã tạo môi trường thuận lợi để nuôi dưỡng tư duy phản biện và khơi gợi những ý tưởng sáng tạo trong học tập Ngữ văn.

Về phương diện kĩ thuật, GV hướng dẫn HS lập sơ đồ một cách khoa học: bắt đầu từ trung tâm (chủ đề chính), phân nhánh thành các ý lớn, dùng từ khóa ngắn gọn, hình ảnh và màu sắc có ý nghĩa biểu trưng, đồng thời kết nối các ý bằng đường liên hệ logic. Điểm quan trọng không nằm ở hình thức đẹp mắt, mà ở chỗ HS biết tạo lập, so sánh và tái cấu trúc mối quan hệ giữa các ý tưởng, từ đó khám phá chiều sâu văn bản và phát triển tư duy sáng tạo. Mỗi HS có thể chọn

cách diễn đạt, sắp xếp khác nhau; sự khác biệt ấy chính là minh chứng cho năng lực tư duy độc lập và sáng tạo.

Tổ chức hoạt động học tập gắn với sơ đồ tư duy cũng cần chú trọng khía cạnh phản biện. Sau khi GV làm mẫu, HS được làm việc nhóm để phân tích văn bản, chọn lọc thông tin, xây dựng sản phẩm và bảo vệ trước tập thể. Quá trình thảo luận, tranh luận, bổ sung và phản hồi giữa các nhóm giúp HS không chỉ củng cố kiến thức, mà còn rèn luyện khả năng diễn đạt, lập luận và phản biện. Bên cạnh đó, việc khuyến khích HS trình bày sản phẩm theo phong cách cá nhân cũng góp phần phát huy trí tưởng tượng và năng lực sáng tạo. Chẳng hạn, khi dạy bài “Một đời như kẻ tìm đường” của Phan Văn Trường [14; 107], GV có thể thiết kế một sơ đồ gợi ý bằng phần mềm Xmind, sau đó giao cho HS chỉnh sửa, bổ sung hoặc xây dựng phiên bản khác dựa trên cách hiểu riêng. Mỗi nhóm HS phải giải thích lí do lựa chọn từ khóa, cách sắp xếp nhánh hoặc hướng liên kết giữa các ý. Chính quá trình “giải trình – tranh biện – tái tổ chức” này mới làm nổi bật giá trị của sơ đồ tư duy như một công cụ rèn luyện năng lực phân tích, phản biện và sáng tạo, thay vì chỉ dừng ở chức năng ghi nhớ.



Hình 1. Sơ đồ tư duy “Một đời như kẻ tìm đường” được tạo bằng Xmind

Vận dụng sơ đồ tư duy trong dạy học Ngữ văn, nếu được thiết kế và tổ chức khoa học, không chỉ giúp HS hệ thống hóa kiến thức một cách trực quan, mạch lạc, mà còn quan trọng hơn tạo ra môi trường học tập tương tác, khuyến khích HS suy nghĩ đa chiều, phản biện sâu sắc và sáng tạo trong diễn giải văn bản. Đây chính là giá trị đặc thù, làm cho sơ đồ tư duy trở thành công cụ hiệu quả trong định hướng dạy học phát triển năng lực.

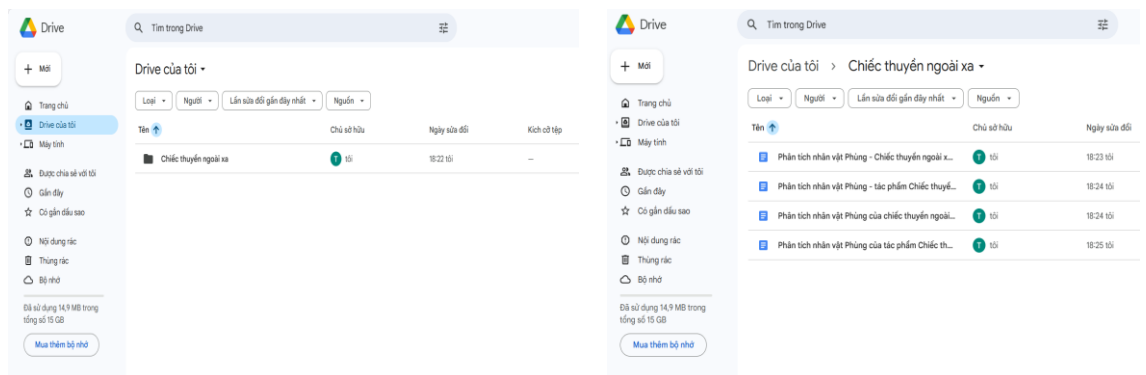
2.3.2.2. Sử dụng các công cụ công nghệ để tổ chức đối thoại, tranh biện, phát hiện và giải quyết vấn đề trong dạy học Ngữ văn

Trong dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực, việc tổ chức đối thoại và trao đổi ý kiến của HS có vai trò quan trọng. So với hình thức hỏi – đáp truyền thống, các công cụ trực tuyến như Google Forms, Slido, Padlet, Mentimeter... có ưu thế ở khả năng giúp GV trong cùng một thời điểm thu thập được ý kiến của toàn bộ HS đối với một vấn đề học tập, qua đó gia tăng số lượng HS tham gia bày tỏ quan điểm và rút ngắn thời gian tổ chức hoạt động. Việc đa dạng hóa hình thức tương tác này cũng góp phần tạo không khí học tập tích cực, giảm sự đơn điệu của lớp học [4]. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng công nghệ số chỉ đóng vai trò là phương tiện hỗ trợ. Hiệu quả phát triển tư duy phản biện và sáng tạo của HS phụ thuộc chủ yếu vào cách GV thiết kế câu hỏi mở, tổ chức thảo luận và dẫn dắt HS phân tích, lí giải và bảo vệ quan điểm của mình trong các hoạt động học tập tiếp theo [4].

Khi dạy bài “Chí Phèo” (Nam Cao) [15; 23], GV có thể sử dụng Mentimeter hoặc Slido để đưa ra câu hỏi về ý nghĩa cái chết của Chí Phèo, yêu cầu HS tham gia trả lời trực tuyến nhằm huy động nhanh các cách hiểu khác nhau của HS. Thông qua kết quả tổng hợp tức thời, GV có thể nhận diện các luồng ý kiến chủ yếu, chẳng hạn quan điểm coi cái chết của Chí Phèo là bi

kịch hay là sự giải thoát, từ đó lựa chọn trọng tâm tổ chức hoạt động thảo luận trên lớp. Trong bước tiếp theo, GV tổ chức cho HS thảo luận, phân tích và phản biện các quan điểm đã được nêu ra. Chính quá trình trao đổi trực tiếp này mới tạo điều kiện để HS lí giải lựa chọn của mình, đưa ra dẫn chứng từ văn bản và phản hồi ý kiến của bạn học, qua đó từng bước hình thành và rèn luyện khả năng lập luận. Các công cụ khảo sát trực tuyến như Mentimeter trong trường hợp này đóng vai trò hỗ trợ mở rộng cơ hội tham gia và làm rõ sự đa dạng quan điểm, chứ không thay thế hoạt động tư duy và tranh biện trên lớp. Thông qua chuỗi hoạt động đó, HS có điều kiện đi đến nhận thức toàn diện hơn: cái chết của Chí Phèo vừa là bi kịch số phận của một con người bị xã hội tước đoạt quyền làm người, vừa mang ý nghĩa như một sự giải thoát cho phần người trong Chí khi được thức tỉnh và cứu rỗi.

Hoặc khi dạy bài “*Chiếc thuyền ngoài xa*” của Nguyễn Minh Châu [16, 25], GV cho HS tạo một tài liệu học tập cá nhân trên Google Drive ghi lại những phân tích về nhân vật Phùng và các khía cạnh của cái đẹp trong văn bản “*Chiếc thuyền ngoài xa*”.



Hình 2. Tài liệu học tập cá nhân của bài “*Chiếc thuyền ngoài xa*” trên Google Drive

HS sẽ tự tổ chức tài liệu, ghi chú các điểm quan trọng, chia sẻ tài liệu này với thầy cô hoặc bạn bè để nhận xét và bổ sung thêm ý tưởng. Việc khuyến khích HS tự học và tổ chức tài liệu cá nhân giúp các em chủ động hơn trong việc củng cố kiến thức, dễ dàng lưu trữ, quản lí, chia sẻ tài liệu học tập, đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tư duy phản biện.

Khi dạy văn bản “*Một người Hà Nội*” của Nguyễn Khải [17; 11], GV giao nhiệm vụ cho HS thiết kế sản phẩm học tập số thể hiện cảm nhận về cô Hiền trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, tập trung vào lòng tự trọng và ý thức trách nhiệm đối với đất nước của một người mẹ. Nhóm HS 1 sử dụng phần mềm Canva để thiết kế một infographic minh họa hành động và cảm xúc của cô Hiền khi con trai cả tình nguyện đăng kí đi đánh Mỹ. Nhóm HS 2 tạo một podcast với hình thức “nhật ký nội tâm” dưới góc nhìn của cô Hiền thể hiện sự thương xót con, đồng thời càng muốn con sống có ý thức trách nhiệm, làm tròn bổn phận của một công dân. Các nhóm lần lượt trình bày sản phẩm, sau đó tham gia phản biện lẫn nhau thông qua câu hỏi, tranh luận và nhận xét dựa trên các tiêu chí: mức độ hiểu tác phẩm, tính thuyết phục của lập luận, sự sáng tạo và hiệu quả sử dụng công nghệ. GV và HS sử dụng bảng đánh giá chi tiết để phản hồi, xếp loại sản phẩm, giúp HS tự điều chỉnh cách tư duy, diễn đạt và trình bày. Hoạt động tích hợp công nghệ số này giúp chuyển vai trò của HS từ người tiếp nhận sang người kiến tạo tri thức, thúc đẩy tư duy sáng tạo thông qua cách sắp xếp thông tin, giọng điệu truyền tải, cũng như thẩm mỹ thiết kế. Thông qua hoạt động phản biện giữa các nhóm, HS biết đặt câu hỏi mang tính chất truy vấn, đưa ra quan điểm riêng, đánh giá lập luận đối phương và bảo vệ lập luận của mình trên cơ sở hiểu biết văn bản và lập luận logic, từ đó rèn giũa được tư duy phản biện. Kết thúc hoạt động, các em hiểu: Với tư cách công dân, cô Hiền là một người Hà Nội có trách nhiệm, còn từ phương diện một người mẹ, cô thương con, biết cách giáo dục, không vì những tình cảm cá nhân mà ngăn cản để con mình trở thành người không có trách nhiệm, ý thức với đất nước.

2.3.2.4. Khuyến khích học sinh xây dựng các sản phẩm học tập số trong dạy học Ngữ văn

Phát triển năng lực số là phát triển năng lực cốt lõi nâng cao tính chủ động và sáng tạo trong học tập của HS. GV khuyến khích HS sử dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm sáng tạo như video, poster, podcast hoặc các văn bản nghệ thuật số khác giúp các em vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng trình bày, sáng tạo và sử dụng công cụ kỹ thuật số gắn kết giữa nội dung học tập với thực tiễn. Khi dạy bài "*Chiếc thuyền ngoài xa*" của Nguyễn Minh Châu [16; 25], GV cho HS tạo một poster đa quan điểm về vấn đề "Có nên lý tưởng hóa cái đẹp như Phùng không?" HS sẽ phân tích các khía cạnh của cái đẹp trong văn bản và đưa ra những quan điểm khác nhau. HS có thể sử dụng Canva để tạo ra những thiết kế chuyên nghiệp cho poster, tạo ra các hiệu ứng đặc biệt, chuyển cảnh hoặc thêm thuyết minh tự động vào video.



Hình 3. Poster “Có nên lý tưởng hoá cái đẹp như Phùng không?” tạo bằng Canva

Canva giúp HS tạo ra sản phẩm sáng tạo mà còn phát triển tư duy thiết kế và truyền đạt ý tưởng qua hình ảnh và âm thanh. Các em sẽ học được cách tổ chức ý tưởng một cách khoa học, thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề trong văn bản một cách trực quan và thuyết phục. Ngoài ra, HS có thể tham gia vào một *video debate* về vấn đề hoặc sử dụng *CapCut* để chỉnh sửa video và trình bày các quan điểm tranh luận. Poster giúp HS phát triển kỹ năng phân tích, trình bày thông qua hình ảnh, debate giúp các em cải thiện kỹ năng thuyết phục và phản biện. Việc sử dụng công nghệ trong các hoạt động này không chỉ kích thích sự sáng tạo mà còn rèn luyện khả năng làm việc nhóm và giao tiếp của HS.

Hoặc khi dạy bài "*Muối của rừng*" của Nguyễn Huy Thiệp [16; 20], GV cho HS tạo một *video nhật ký* (vlog) kể về trải nghiệm của nhân vật ông Diều trong văn bản hoặc blog cá nhân viết về cảm nhận của mình đối với hành trình đi săn và hành động của ông Diều. HS vừa tái hiện nội dung văn bản vừa phân tích tâm lý, hành động dưới góc nhìn cá nhân. Các em phải suy nghĩ độc lập, đánh giá tình huống, đặt câu hỏi về những suy ngẫm của ông Diều trong quá trình thức tỉnh, cái thiện chiến thắng cái ác, giữa trách nhiệm cá nhân và lựa chọn đạo đức. Việc lựa chọn hình thức thể hiện (video nhật ký hay blog), cách viết lời bình, dựng cảnh, lồng ghép âm thanh, hình ảnh minh họa... giúp các em vận dụng khả năng sáng tạo để truyền tải cảm xúc và thông điệp theo phong cách riêng. Video sẽ được chia sẻ trên các nền tảng như *Google Sites* hoặc *YouTube* để cộng đồng lớp học có thể xem và đưa ra phản hồi. Dưới sự đánh giá từ GV, bạn học, HS có thể sửa chữa hoặc phản biện để bảo vệ quan điểm riêng của bản thân được thể hiện qua sản phẩm.

3. Kết luận

Tích hợp công nghệ số trong dạy học Ngữ văn là một bước tiến quan trọng, giúp nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển toàn diện các kỹ năng cho HS. Việc sử dụng công nghệ không chỉ giúp tạo ra môi trường học tập sinh động, tương tác mà còn kích thích tư duy phản biện, sáng tạo của HS thông qua các hoạt động học tập chủ động, tích cực. Công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ

nhân tạo và các công cụ học tập trực tuyến, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các phương pháp giảng dạy linh hoạt, hiệu quả giúp HS tiếp cận kiến thức một cách sâu sắc và toàn diện hơn.

Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao, việc ứng dụng công nghệ trong dạy học cần được thực hiện một cách có hệ thống khoa học phối hợp phương pháp dạy học linh hoạt. GV đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn công nghệ phù hợp với từng bài học, đồng thời hướng dẫn HS cách sử dụng công nghệ một cách hiệu quả và sáng tạo. Từ đó, HS sẽ phát huy được tối đa khả năng của bản thân, phát triển tư duy phản biện và sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền giáo dục hiện đại. Việc tích hợp công nghệ số vào dạy học Ngữ văn không chỉ giúp HS phát triển năng lực chuyên môn mà còn giúp các em trở thành những công dân toàn cầu, có khả năng tự duy độc lập, sáng tạo và phản biện trước những vấn đề phức tạp trong cuộc sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ GD&ĐT, (2018). Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [2] LD Nhã, (2021). Tích hợp giáo dục kỹ năng tư duy phản biện vào dạy học đọc hiểu văn bản trong môn Ngữ văn. *Tạp chí Giáo dục*, 513(1), 14-20.
- [3] NT Hùng, (2019), *Phương pháp dạy học Ngữ văn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4] CK Khanh, (2020). Biện pháp phát triển năng lực tư duy phản biện trong tạo lập văn bản nghị luận xã hội cho học sinh lớp 10 trung học phổ thông thông qua tìm ý, lập ý. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, Số đặc biệt tháng 12/2020, 35-40.
- [5] NTT Nga, (2022). Phát triển năng lực số cho học sinh trung học qua môn Ngữ văn. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 18 (11), 6-12.
- [6] NT Dũng, (2019). Một số kết quả nghiên cứu ban đầu về khung TPACK trong dạy học tích hợp công nghệ. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*, 2(50), 98-106.
- [7] OECD (2019), *Future of Education and Skills 2030*, OECD Publishing.
- [8] Bloom, B. S. (1956), *Taxonomy of Educational Objectives*, Longman.
- [9] Horn MB & Staker H, (2015), *Blended: Using Disruptive Innovation to Improve Schools*, Jossey-Bass.
- [10] VL Hoa, (2020). Giáo dục phát huy tính tích cực tư duy sáng tạo của người học ở nhà trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 476(2), 25-28.
- [11] NTH Lan, (2020). Đề mở và năng lực sáng tạo của học sinh trong môn Ngữ văn trường trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 35, 29-34.
- [12] TĐ Sử (2020), *Dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [13] TĐ Sử, (2020). *Phê bình và tiếp nhận văn học: Một cách tiếp cận hiện đại*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [14] Bộ GD & ĐT, (2021). *Ngữ văn 10*, sách KNTTVCS, tập hai. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [15] Bộ GD & ĐT, (2022). *Ngữ văn 11*, sách KNTTVCS, tập một. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [16] Bộ GD & ĐT, (2024). *Ngữ văn 12*, sách Cánh diều, tập một. NXB Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
- [17] Bộ GD & ĐT, (2022). *Ngữ văn 11*, sách Cánh diều, tập hai. NXB Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.